

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện chuyển đổi số huyện Châu Thành giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang về việc Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch như sau:

Phần I

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG

I. MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ

- Nhằm cụ thể hóa và kịp thời triển khai các hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, chỉ đạo thực hiện ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh (phụ lục văn bản kèm theo).

- Việc người khai thác các ứng dụng CNTT trên môi trường mạng, dần có chuyển biến: khai thác thông tin trên cổng thông tin điện tử tỉnh, nộp hồ sơ trực tuyến, nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích...

- Lãnh đạo các cơ quan ban ngành, UBND các xã, thị trấn từng bước khai thác hiệu quả các phần mềm ứng dụng trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành,...

II. HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Các thiết bị mạng quan trọng của đường truyền số liệu chuyên dùng(TSLCD) được đặt trong phòng máy chủ hoạt động ổn định, đảm bảo tốc độ kết nối. Các đơn vị, phòng, ban, ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đều kết nối mạng LAN, Internet cáp quang tốc độ cao để sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin ở đơn vị.

100% cán bộ công chức cấp huyện và trên 98% cán bộ, công chức cấp xã có máy tính làm việc và được kết nối Internet.

III. CÁC HỆ THỐNG NỀN TẢNG

- Đường truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước (T78): đã triển khai kết nối 13/13 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Đảm bảo an toàn an ninh thông tin : huyện cũng đã bố trí 02 cán bộ quản lý cơ sở dữ liệu và trang bị phòng máy chủ với 02 hệ thống máy chủ và 01 hệ thống tường lửa, phần mềm diệt virus, máy tính không kết nối mạng để soạn thảo văn bản có tính mật.

- Hội nghị truyền hình trực tuyến: Toàn huyện có 01 điểm cầu tại UBND huyện, 13 điểm cầu tại UBND các xã, thị trấn đảm bảo kết nối liên thông từ tỉnh đến huyện và từ huyện đến xã, góp phần làm giảm chi phí tổ chức hội họp và nâng cao chất lượng các cuộc họp.

IV. PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU

Nêu hiện trạng phát triển dữ liệu, xây dựng các cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương trong đó bám sát định hướng phát triển các dữ liệu, CSDL theo Quyết định 942/QĐ-TTg; các dữ liệu, CSDL liên quan khác của bộ, ngành, địa phương mình.

V. CÁC ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ

1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan Nhà nước

- Hệ thống thư điện tử của tỉnh đã được triển khai rộng khắp, mang lại hiệu quả thiết thực trong công việc. Các đơn vị đều có cán bộ phụ trách quản lý hộp thư và thường xuyên giao dịch gửi, nhận các văn bản theo Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 13/09/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng hệ thống thư điện tử tỉnh An Giang trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Đến nay cấp trên 700 tài khoản thư điện tử trong đó 67 các cơ quan ban, ngành, đơn vị sự nghiệp; 72 đơn vị trường học, trên 561 cá nhân thường xuyên sử dụng thư điện tử để trao đổi trong công việc. Hiện đang rà soát các địa chỉ mail không sử dụng và ngưng hoạt động..

- Phần mềm quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng

+ Hệ thống phần mềm quản lý văn bản chỉ đạo điều hành trên môi trường mạng được triển khai kết nối thông suốt từ huyện tới các xã, thị trấn đảm bảo việc gửi, nhận văn bản nhanh chóng thuận lợi, các đơn vị trên địa bàn huyện đều sử dụng đúng theo quy chế quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh.

+ Năm 2021, đã tiếp nhận được 11.189 văn bản đến và phát hành 5.730 văn bản đi. Việc gửi nhận văn bản đi và đến được giao cho văn thư các xã, thị trấn và ngành quản lý.

+ Tỷ lệ số văn bản đến đã nhận và xử lý đến thời điểm hiện tại đạt tỷ lệ 100%; số lượng văn bản đến được cập nhật vào phần mềm đạt tỷ lệ 100%.

+ Tỷ lệ số văn bản đi đã phát hành đến thời điểm hiện tại đạt tỷ lệ 100%; số lượng văn bản đi được cập nhật và xử lý trên phần mềm đạt tỷ lệ 100%; Số lượng văn bản phát hành qua phần mềm đạt tỷ lệ 100%.

+ Số lãnh đạo đơn vị tham gia thực hiện giải quyết văn bản trên môi trường mạng là 75/75 cán bộ lãnh đạo đạt tỷ lệ 100%.

- Quản lý và sử dụng chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ:

+ Từ năm 2014 đến nay Ban Cơ yếu Chính phủ đã cung cấp 106 chứng thư số cho 15 đơn vị y tế (Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Dân số kế hoạch hóa gia đình, 13 trạm y tế các xã, thị trấn); UBND 12 xã, 01 thị trấn; 22 cơ quan, đơn vị sự nghiệp; 56 đơn vị trường học. Việc cung cấp, quản lý, sử dụng chứng thư số đã đáp ứng kịp thời nhu cầu cấp thiết của cơ quan nhà nước các cấp trong việc đảm bảo xác thực và bảo mật thông tin phục vụ lãnh đạo, điều hành. Giúp nâng cao nhận thức vai trò cần thiết của việc triển khai văn bản điện tử nhất là bộ phận

văn thư, từng bước quen dần việc sử dụng văn bản điện tử giảm văn bản giấy, quen việc sử dụng hệ thống thư điện tử của huyện trong trao đổi công việc nhằm góp phần đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng.

+ Năm 2019-2020 cấp 204 chứng thư số cho cá nhân (lãnh đạo và kế toán). Trong đó 103 chứng thư số các đơn vị trường học (lãnh đạo, kế toán), 101 chứng thư số các phòng ban chuyên môn huyện, UBND các xã, thị trấn (lãnh đạo 36, kế toán 17). Thu hồi 48 chứng thư số do luân chuyển cán bộ. Ngoài ra các đơn vị sử dụng chứng thư số của Viettel, VNPT.. để giao dịch công trực tuyến trên cổng dịch vụ công kho bạc nhà nước. Thu hồi chứng thư số do hết hạn và đăng ký mới cho các đơn vị trường học trên địa bàn.

- Thực hiện Công văn số 96/UBND-KGVX ngày 18/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc tăng cường tuyên truyền, quảng bá trên mạng xã hội, UBND huyện xây dựng và triển khai Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 17/7/2018. Kết quả thiết lập tài khoản mạng xã hội của huyện Châu Thành: Tên trang fanpage trên mạng xã hội Facebook “UBND Huyện Châu Thành”, địa chỉ truy cập trang fanpage huyện “<https://www.facebook.com/huyenchauthanh.ag>”. Kể từ khi thành lập trang fanpage của huyện đến nay đã có 22.210 lượt thích và 40.929 lượt theo dõi, đa số những bài viết đều nhận được sự tương tác từ cộng đồng mạng, qua đó đã góp phần vào việc tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, các chính sách của huyện và hình ảnh quê hương Châu Thành đến người dân trong và ngoài huyện.

- Triển khai thực hiện Khung đề án An Giang điện tử: Theo Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 17/7/2020 của UBND huyện Châu Thành về thực hiện Khung Đề án “An Giang điện tử” giai đoạn 2019 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Cổng thông tin điện tử huyện đã đưa vào vận hành chính thức vào ngày 30/04/2015 đã thành lập Ban Biên tập gồm 10 người, Tổ giúp việc Ban Biên tập gồm 12 người (theo Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND huyện về việc kiện toàn Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử huyện Châu Thành, tỉnh An Giang), xây dựng quy chế hoạt động của Ban Biên tập, các thông tin đăng trên cổng luôn được cập nhật thường xuyên, đến nay đã có hơn 1.969 tin, 427 bài, 5.475 ảnh được biên tập và đăng trên cổng thông tin điện tử. Phối hợp với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn thực hiện 10 phóng sự, chuyên mục.

- Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và phần mềm một cửa:

- Số thủ tục hành chính (TTHC) đưa vào giải quyết theo cơ chế một cửa, như sau:

+ Cấp huyện thực hiện: 252 thủ tục thuộc 38 lĩnh vực.

+ Cấp xã: 145 thủ tục thuộc 25 lĩnh vực.

- Số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông do cơ quan, đơn vị, chủ trì tiếp nhận, trả kết quả:

+ Cấp huyện: 25 thủ tục thuộc 02 lĩnh vực, Tài nguyên nước (01 thủ tục) và Tài nguyên môi trường 24 lĩnh vực.

+ Cấp xã: 03 thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh; đăng ký thường trú; cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi .

- Tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trên phần mềm:

+ Hồ sơ tiếp nhận, cập nhật trên phần mềm 6.645 hồ sơ/6.648 hồ sơ tiếp nhận thực tế đạt tỷ lệ 99.9%.

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 95,2%.

- Tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trực tuyến:

+ Tỷ lệ hồ sơ TTHC qua dịch vụ công trực tuyến (DVC TT) mức độ 3 và 4 trả đúng hạn/Tổng số hồ sơ nhận, thụ lý trực tuyến mức độ 3 và 4 tại UBND cấp huyện: 6.248/6.645 Tỷ lệ: 94%.

+ Tỷ lệ hồ sơ TTHC qua DVC TT mức độ 3 và 4 trả đúng hạn/Tổng số hồ sơ nhận, thụ lý trực tuyến mức độ 3 và 4 tại UBND cấp xã: 10.297/10.509. Tỷ lệ: 97.98%.

- Tình hình công bố, công khai thông tin liên quan đến người dân, doanh nghiệp (TTHC, thông tin quy hoạch...): thực hiện công bố, công khai theo Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của UBND tỉnh An Giang.

- Triển khai Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Qua đó bưu điện huyện đã tiếp nhận 270 hồ sơ và đã trả kết quả 1.538 hồ sơ đến người dân.

- Ngoài ra khi người dân có nhu cầu thực hiện các thủ tục sau: Cấp tỉnh (9 lĩnh vực): Nộp phạt giao thông; Cấp đổi Giấy phép lái xe; Cấp đổi bằng thuyền trưởng, máy trưởng; Lý lịch tư pháp; Đăng ký cấp phù hiệu xe tải; Đăng ký chứng nhận an toàn thực phẩm; Đăng ký cấp giấy phép kinh doanh (đối với công ty, doanh nghiệp); Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh phân bón; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật; cấp huyện (2 lĩnh vực): Đăng ký cấp Giấy phép kinh doanh; Trích lục Hộ tịch (trước 1975); Cấp xã (2 lĩnh vực): Trích lục Hộ tịch; Xác nhận tình trạng hôn nhân (sẽ thực hiện chuyển trả qua bưu chính Công ích kể từ ngày 1/11/2019).

VI. NGUỒN NHÂN LỰC

- Hầu hết cán bộ, công chức trong cơ quan Nhà nước cấp huyện biết sử dụng máy tính phục vụ công việc.

- Số lượng cán bộ, công chức có bằng Trung cấp, Cao đẳng, Đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin rất ít, đa số cán bộ công chức tự học tại các trung tâm đào tạo tin học với các chứng chỉ A, B để đáp ứng nhu cầu công việc. Đã mở nhiều lớp đào tạo, hướng dẫn kiến thức sử dụng máy tính cho cán bộ công chức cấp xã, thị trấn nhưng vẫn chưa đáp ứng được hết nhu cầu công việc.

VII. AN TOÀN THÔNG TIN

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTG ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Phối hợp VNPT An Giang hoàn chỉnh xác định cấp độ về an toàn thông tin.

Đồng thời, thường xuyên rà soát, cập nhật để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

VIII. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

- Chính quyền số là giải pháp quan trọng đối với cải cách hành chính, tiết kiệm thời gian, chi phí và giảm thiểu nỗ lực cho cả Chính phủ và người dân. Việc xây dựng Chính quyền số tạo ra các giá trị mới, nâng cao chất lượng dịch vụ công, giúp chính quyền minh bạch và hiệu quả hơn. Trong khi đó, dữ liệu mở sẽ tạo động lực cho phép mọi người truy cập và sử dụng dữ liệu, giúp thông tin được nhanh chóng, chính xác, tạo các cơ hội lớn để phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng Chính quyền số, cải cách hành chính sẽ tạo sự thuận lợi cho doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư nhằm đưa huyện trở thành nơi đáng sống, điểm đến của du khách và nhà đầu tư.

- Việc triển khai Chính quyền số huyện sẽ làm thay đổi cơ bản nhận thức trong cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; tạo ra môi trường làm việc liên thông, hiện đại và chuyên nghiệp, tiết kiệm được thời gian, chi phí, nâng cao hiệu quả công việc, góp phần hình thành nền hành chính chuyên nghiệp; chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng được nâng cao.

- Hạ tầng CNTT và viễn thông (VT) trở nên quan trọng và gắn kết chặt chẽ mọi mặt kinh tế – xã hội, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh chính quyền và doanh nghiệp; giảm thiểu khoảng cách phát triển giữa thành thị và nông thôn, vùng sâu, vùng xa của huyện.

2. Khó khăn

a) Đối với Chính quyền

- Vấn đề xây dựng các CSDL, chia sẻ thông tin dữ liệu, cập nhật và làm mới dữ liệu quản lý là vấn đề sống còn của các hệ thống ứng dụng, dữ liệu đầy đủ, luôn được làm mới, thì mới là nguồn thông tin hữu ích cho công tác quản lý và ra quyết định.

- Xây dựng Chính quyền số là công việc mới.

- Hệ thống văn bản pháp luật chưa hoàn chỉnh.

- Hạ tầng CNTT và Viễn thông tuy đã được đầu tư, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Vấn đề an toàn, an ninh mạng diễn biến phức tạp, đặt ra nhiều thách thức trong việc đảm bảo an toàn dữ liệu và hệ thống CNTT của huyện.

b) Đối với doanh nghiệp

- Thay đổi thói quen, quy trình quản lý, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- An ninh bảo mật thông tin doanh nghiệp.

- Hệ thống pháp lý chưa hoàn thiện, nên việc thực hiện các giao dịch, công nhận kết quả các giao dịch khi thực hiện trên nền tảng số.

c) Đối với người dân

- Thay đổi thói quen giao tiếp, xử lý công việc.

- An ninh, bảo mật thông tin cá nhân.

- Trình độ CNTT của người dân chưa đáp ứng được yêu cầu trong việc chuyển đổi số.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin;
- Luật An toàn thông tin mạng;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025”;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;
- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh An Giang;
- Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh An Giang về Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;
- Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện về việc Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2021 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Châu Thành.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng Chính quyền số huyện Châu Thành nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn, đảm bảo người dân có thể tiếp cận, sử dụng dịch vụ mọi lúc, mọi nơi dựa trên nhiều phương tiện khác nhau, phù hợp với nhu cầu.

- Cơ quan nhà nước, chỉ đạo, điều hành trên cơ sở dữ liệu thời gian thực (là hệ thống cơ sở dữ liệu trong đó sử dụng thời gian thực để xử lý khối lượng công việc).

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh; phát triển doanh nghiệp công nghệ số; tạo động lực phát triển xã hội số góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Thực hiện Chuyển đổi số thành công trên địa bàn huyện Châu thành, trong đó tập trung chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm, thế mạnh của huyện về Du lịch, Nông nghiệp, Y tế, Giáo dục.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, đạt các mục tiêu:

- 80% người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số; Nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần tạo sự đồng thuận cao nhất trong nhân dân.

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 40% người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

- 100% dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến mức độ 4.

- 50% hồ sơ giải quyết trực tuyến.

- 60% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến.

- 60% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.

- 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện, 65% cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- 80% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, tỉnh.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp:

- Phần đầu kinh tế số đạt 10% GRDP.

- Phần đầu tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 10%.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số:

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- Phần đầu tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt 50%.

2.2. Mục tiêu định hướng đến năm 2030

a) Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động:

- 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính quyền số tỉnh An Giang cung cấp.

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 60% người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

- 60% hồ sơ giải quyết trực tuyến.

- 100% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến.

- 100% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.

- 100% hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp huyện, 80% cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- 100% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Cơ quan nhà nước, chỉ đạo, điều hành trên cơ sở dữ liệu thời gian thực.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp:

- Phân đầu kinh tế số trên 20% GRDP.

- Phân đầu tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 20%.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số:

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang đến hộ gia đình.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, thử nghiệm các công nghệ mới.

- Phân đầu tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

III. NHIỆM VỤ

1. Phát triển nền tảng cho Chuyển đổi số

1.1. Chuyển đổi nhận thức

- Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức các cấp ủy Đảng, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của Chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với Nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển Kinh tế - Xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành.

- Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm, nêu gương, truyền cảm hứng trong chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách.

- Tổ chức đào tạo, hội nghị, hội thảo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giới thiệu về chuyển đổi số với doanh nghiệp, trước hết là người đứng đầu của doanh nghiệp, chủ yếu trả lời câu hỏi làm sao để doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số.

- Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp vào quá trình chuyển đổi số như tham gia góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại.

1.2. Hoàn thiện quy chế, quy định pháp lý

- Từng bước hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý kết nối, chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu tại địa phương;

1.3. Phát triển hạ tầng số

Các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn huyện. Ưu tiên phát triển tại khu, điểm du lịch; các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện.

1.4. Phát triển các nền tảng, hệ thống

- Xây dựng nền tảng số có ý nghĩa quyết định tới sự thành công của quá trình tạo ra Chính quyền số dựa trên các mối liên quan đến chính quyền, doanh nghiệp và người dân,... Chính quyền số khai thác công nghệ như là một nền tảng để thúc đẩy sự tạo ra và truy cập các dữ liệu, dịch vụ và nội dung từ các bên thông qua sự tương tác với đầu mối quản lý chính là các UBND các cấp. Chẳng hạn các văn bản điện tử tạo ra (dù từ bên nào và bằng bất kỳ ứng dụng nào) được quy định phải sử dụng dịch vụ lưu trữ điện tử trên nền tảng số. Xây dựng nền tảng số làm cơ sở nền tảng quản lý, vận hành, khai thác Chính quyền số;

- Nền tảng số cung cấp các dịch vụ nền tảng cho toàn bộ hệ thống Chính quyền số, bao gồm các nền tảng thành phần như nền tảng tích hợp dữ liệu số; nền tảng số hóa dữ liệu; nền tảng tra cứu dữ liệu số; nền tảng phân tích dữ liệu số; nền tảng giám sát hoạt động các hệ thống số; nền tảng thanh toán trực tuyến; nền tảng truyền thông số; nền tảng xác thực và định danh số;

- Khi đưa vào vận hành nền tảng số này sẽ tiết kiệm được nhiều kinh phí bỏ ra để xây dựng và tích hợp nhiều ứng dụng riêng biệt như quản lý văn bản, một cửa điện tử, các ứng dụng chuyên ngành và các ứng dụng nội bộ,...

1.5. Phát triển dữ liệu

Phát triển các dữ liệu, hình thành các cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương trong đó bám sát định hướng phát triển các dữ liệu, CSDL theo Quyết định 942/QĐ-TTg; Kế hoạch 5 năm của các bộ, ngành, địa phương; các dữ liệu, CSDL liên quan khác của bộ, ngành, địa phương mình.

Thực hiện mở dữ liệu, cung cấp dữ liệu mở theo định hướng tại Quyết định số 942/QĐ-TTg và quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

1.6. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

- Hệ thống thư điện tử của tỉnh: tiếp tục thực hiện Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 13/09/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng hệ thống thư điện tử tỉnh An Giang trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Hệ thống phần mềm quản lý văn bản chỉ đạo điều hành trên môi trường mạng được mở rộng triển khai kết nối thông suốt từ huyện tới các xã, thị trấn đảm bảo việc gửi, nhận văn bản nhanh chóng thuận lợi, các đơn vị trên địa bàn huyện đều sử dụng đúng theo quy chế quy định tại Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh.

- Triển khai thực hiện Khung đề án An Giang điện tử: Theo Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 17/7/2020 của UBND huyện Châu Thành về thực hiện Khung Đề án “An Giang điện tử” giai đoạn 2019 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành.

- Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn về dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

1.7. Bảo đảm an toàn thông tin

- Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức về an toàn, an ninh thông tin và tính riêng tư đến CBCC-VC trong cơ quan nhà nước và các nhân viên trong doanh nghiệp chuyển đổi số... cần được thực hiện định kỳ hàng năm.

- Tham gia các lớp diễn tập, đào tạo nâng cao chất lượng, đội ngũ CBCC-VC về an toàn, an ninh thông tin mạng.

- Nâng cao chất lượng, đào tạo đội ngũ CBCC-VC về an toàn, an ninh thông tin.

1.8. Phát triển nguồn nhân lực

- Tham gia các lớp đào tạo, nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho CBCC-VC trong cơ quan nhà nước.

- Lòng ghép, thực hiện các nội dung đào tạo, tuyên truyền nhận thức về kiến thức, kỹ năng số vào chương trình các cấp học

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp.

2. Phát triển Chính quyền số

2.1. Phát triển, hoàn thiện Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử huyện kết nối với Cổng dịch vụ công tỉnh, quốc gia, để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; đưa toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 3, mức độ 4 (đối với các thủ tục hành chính đủ điều kiện). Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

2.2. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

2.3. Thử nghiệm triển khai hiệu quả một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh; Tập trung chuyển đổi số tất cả các mặt trong hoạt động, kiểm tra của các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

2.4. Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước.

3. Phát triển kinh tế số

3.1. Phổ biến kiến thức về chuyển đổi từ kinh tế đơn thuần sang kinh tế số
Xây dựng kế hoạch phổ biến kiến thức chung về xây dựng lộ trình và thực hiện chuyển đổi sang kinh tế số, giới thiệu và chia sẻ các bài học thành công của doanh nghiệp khi chuyển đổi qua kinh tế số ở trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

3.2. Xây dựng kế hoạch triển khai hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh và từng

bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp.

3.3. Phát triển thương mại điện tử

- Thúc đẩy việc áp dụng nhanh chóng nền tảng mã địa chỉ bưu chính VPostcode trong hoạt động thương mại điện tử và logistics.

- Tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các doanh nghiệp sản xuất theo từng ngành hàng để tạo thêm các chuỗi liên kết mới.

- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử dành cho hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tăng cường xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử.

3.4. Hỗ trợ, xây dựng các hạ tầng, ứng dụng nền tảng phục vụ phát triển kinh tế số

- Phát triển nền tảng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hỗ trợ các sản phẩm tham gia thương mại điện tử, quản lý chuỗi giá trị, xuất khẩu.

- Nghiên cứu mô hình, hình thành Khu công nghệ thông tin tập trung, tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp công nghệ thông tin đầu tư, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

- Lồng ghép triển khai các giải pháp công nghệ số dự báo và định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực chủ lực của huyện .

4. Phát triển xã hội số

4.1. Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức; đào tạo, tập huấn nhân lực về chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực, các xã, thị trấn.

4.2. Đào tạo kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

4.3. Tạo động lực chuyển đổi số trong doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.

4.4. Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội (theo hướng dẫn của Sở Thông tin Truyền Thông), để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; ban hành các quy tắc ứng xử trên môi trường số cho doanh nghiệp và người dân; giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số.

IV. GIẢI PHÁP

Xác định các giải pháp để tạo điều kiện thực hiện các nhiệm vụ đã đặt ra. Cụ thể bao gồm (không giới hạn) các nhóm giải pháp tiêu biểu như sau:

1. **Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp**

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động mạnh mẽ đến mọi mặt đời sống. Trong đó, người dân là trung tâm, các ứng dụng CNTT mang lại hiệu quả và phục vụ cuộc sống hàng ngày của người dân. Do vậy các ứng dụng CNTT cần được tuyên truyền, quảng bá sâu rộng, để người dân biết, khai thác hiệu quả, nhất là các ứng dụng có tác động xã hội, liên quan hàng ngày tới người dân, mang lại hiệu quả, giúp tiết kiệm chi phí, cần ưu tiên chuyển đổi số trước, bao gồm:

Giáo dục, Y tế, Du lịch, Nông nghiệp, Tài chính – Ngân hàng, Giao thông vận tải và logistics, năng lượng, Tài nguyên và Môi trường, các lĩnh vực khác.

- Quan trọng và quyết định việc thành công trong chuyển đổi số là người đứng đầu, quyết tâm khai thác và sử dụng ngay các ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), đề quản lý và thúc đẩy phát triển, ngành, lĩnh vực thuộc đơn vị quản lý, từ đó có chỉ đạo, tham mưu đưa ứng dụng CNTT toàn diện, ứng dụng CNTT gắn liền với chuyển đổi mô hình quản lý tinh gọn, hiệu quả.

- Cán bộ, công chức, người lao động: thay đổi thói quen, cách làm cũ bằng cách khai thác hiệu quả các hệ thống CNTT đã và được triển khai, nghiên cứu đề xuất các lĩnh vực quản lý để ứng dụng CNTT hiệu quả.

- Người dân: Biết và khai thác tối đa các ứng dụng CNTT do cơ quan nhà nước cung cấp trên môi trường mạng; biết và khai thác các ứng dụng CNTT vào kinh doanh và phát triển sản xuất một cách hiệu quả.

- Tuyên truyền các văn bản về chuyển đổi số của tỉnh, của huyện tại các hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

- Xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số” phát trên Đài truyền thanh huyện, đài truyền thanh cơ sở, Công TTĐT huyện để hướng dẫn, tuyên truyền về kết quả thực hiện chuyển đổi số của huyện; tăng cường sự tham gia của người dân sử dụng các dịch vụ, nền tảng do chuyển đổi số mang lại. Tổ chức hướng dẫn học sinh từ bậc trung học cơ sở trở lên sử dụng các dịch vụ, nền tảng số để hướng dẫn phụ huynh tham gia sử dụng khi có nhu cầu.

- Tuyên truyền người dân truy cập các kênh tương tác trực tuyến để tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước;

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

a) Phát triển hạ tầng số

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn nâng cấp mạng di động 4G, phát triển hạ tầng mạng di động 5G, ưu tiên triển khai tại các khu, cụm công nghiệp, CQNN, trường học, bệnh viện, các điểm du lịch.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân phổ cập sử dụng điện thoại thông minh trên địa bàn toàn huyện.

- Tham mưu triển khai Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện để lưu trữ, chia sẻ, trao đổi, bảo quản an toàn tại Kho lưu trữ số tập trung của tỉnh.

b) Phát triển nền tảng số

- Tham mưu thực hiện phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu đảm bảo kết nối liên thông tích hợp, chia sẻ dữ liệu của huyện với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh, quốc gia và các bộ, ngành, địa phương theo chỉ đạo của tỉnh.

- Tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng thiết bị di động để thực hiện các dịch vụ, tiện ích trong kinh tế số, xã hội số của huyện. Phối hợp với các cơ quan liên quan nhằm hoàn

thiện nền tảng số của huyện phục vụ chuyển đổi số như: Nền tảng định danh điện tử, điện toán đám mây, hỗ trợ làm việc từ xa, dạy và học từ xa, khám chữa bệnh từ xa,...

c) Phát triển các ứng dụng, CSDL, dịch vụ số của huyện

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tiến hành số hóa CSDL của các ngành, lĩnh vực đáp ứng theo tiêu chuẩn kỹ thuật, phù hợp Kiến trúc chính quyền điện tử huyện và bảo đảm kết nối, chia sẻ, tích hợp với CSDL của tỉnh.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Kết hợp hài hòa giữa tập trung và phân tán, bảo đảm sự phối hợp, đồng bộ trong triển khai chuyển đổi số các cấp. Các nội dung Chương trình chuyển đổi số của tỉnh An Giang được xây dựng dựa trên nội dung Chương trình chuyển đổi số quốc gia; lồng ghép nội dung chuyển đổi số trong các hoạt động, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang.

Các cấp uỷ Đảng, các Sở, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp phải coi chuyển đổi số là một nhiệm vụ quan trọng trong chỉ đạo, điều hành và căn cứ tình hình cụ thể của từng đơn vị, địa phương để có các chủ trương, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát kịp thời, đánh giá định kỳ hằng năm, giữa nhiệm kỳ, 05 năm các chủ trương, chỉ tiêu, nội dung chuyển đổi số của cấp mình, ngành và địa phương mình.

4. Thu hút nguồn lực CNTT

Nhân lực được đào tạo chuyên ngành CNTT công tác trong cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện được 02 người. Đối với cấp xã, thị trấn chủ yếu là kiêm nhiệm.

Hàng năm huyện có tổ chức các lớp cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ ứng dụng về CNTT cho cán bộ công chức. Tuy nhiên cán bộ công chức được đào tạo về CNTT chuyên sâu trong các phòng ban vẫn còn thiếu.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Sử dụng từ nguồn ngân sách huyện và các nguồn xã hội hóa hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử huyện

Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử huyện điều hành, đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động kế hoạch Chuyển đổi số huyện.

2. Nhiệm vụ chung các cơ quan, ban ngành, UBND các xã, thị trấn và các Đoàn thể

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị mình về chuyển đổi số, có ý nghĩa quyết định, quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Căn cứ kế hoạch chuyển đổi số huyện giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi để tổ chức thực hiện.

- Chủ động rà soát các nhiệm vụ chuyển đổi số, lựa chọn khâu đột phá, lĩnh vực ưu tiên thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương mình, đề xuất danh mục dự án đầu tư; kinh phí chi thường xuyên, nhằm triển khai thành công nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Phối hợp chặt chẽ Phòng Văn hóa và Thông tin và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch.

- Các cơ quan chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân huyện về nhân rộng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá sự hài lòng của người dân.

3. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Xây dựng và triển khai hoàn thiện “Trung tâm giám sát, điều hành thông minh” (IOC) huyện.

- Là cơ quan đầu mối phối hợp với các cơ quan, ban ngành và các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

- Căn cứ vào các nhiệm vụ được giao, trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, ban ngành và các xã, thị trấn, Phòng Văn hóa và Thông tin phối hợp rà soát, tổng hợp danh mục các dự án đầu tư và nhu cầu nhiệm vụ, để xác định lộ trình cụ thể trong việc triển khai các dự án thành phần, tham mưu Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử huyện quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn các cơ chế, chính sách, quy chế, quy định liên quan thực hiện kế hoạch; Tạo điều kiện tiếp tục thúc đẩy chuyên đổi số trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, kể cả các hợp tác xã.

- Chủ trì phối hợp Phòng Nội Vụ trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về chuyên đổi số trong các cơ quan, ban ngành và các xã, thị trấn và các đoàn thể, phát triển nguồn nhân lực chuyên sâu về an toàn thông tin trong chuyên đổi số.

- Phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo trong đào tạo tin học ứng dụng, kiến thức về an toàn thông tin cho học sinh cấp phổ thông.

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện định kỳ, đột xuất tiến độ thực hiện kế hoạch và đề xuất các giải pháp kịp thời, cần thiết để bảo đảm việc thực hiện thành công kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, Đài Truyền thanh huyện, cơ quan báo chí trên địa bàn huyện, tình xây dựng kế hoạch, triển khai công tác thông tin, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về Chương trình chuyên đổi số.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện nâng cấp đường truyền mạng của các cơ quan nhà nước các cấp, đảm bảo việc truy cập trên môi trường mạng, triển khai các dịch vụ, ứng dụng trong thực hiện Chính quyền số đạt hiệu quả.

- Lựa chọn giải pháp tối ưu tăng cường hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước về du lịch.

- Phối hợp xã Văn Giáo đưa sản phẩm làng dệt thổ cẩm lên sàn thương mại điện tử; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn những sản phẩm OCOP.

4. Văn phòng HĐND và UBND huyện

- Chịu trách nhiệm giúp lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện đôn đốc các đơn vị trong công tác triển khai thực hiện kế hoạch.

- Triển khai thực hiện, tích cực chuyển đổi số trong công tác quản lý của Văn phòng HĐND và UBND huyện.

5. Phòng Nội vụ

- Ưu tiên thực hiện chuyển đổi số trong quản lý cán bộ, công chức, viên chức; số hoá lưu trữ dữ liệu điện tử.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành đảm bảo biên chế cho các đơn vị, địa phương để hình thành đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin triển khai nhiệm vụ lồng ghép tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào bộ chỉ số cải cách hành chính của huyện.

- Phối hợp Phòng Văn hóa và Thông tin trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về chuyển đổi số trong các cơ quan, ban ngành và các xã, thị trấn và các đoàn thể, phát triển nguồn nhân lực chuyên sâu về an toàn thông tin trong chuyển đổi số.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân huyện trang bị cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyển đổi số nhằm phục vụ tốt hơn cho nhân dân cũng như đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; tăng cường tập huấn nghiệp vụ cho công chức phụ trách lĩnh vực hành chính công.

6. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu nguồn vốn thực hiện theo đúng quy định tại Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/09/2021 của UBND tỉnh.

- Phối hợp với cơ quan liên quan tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí chuyển đổi số vào bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (DDCI) trên địa bàn huyện.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp thẩm quyền về nguồn kinh phí thực hiện chương trình trên cơ sở lồng ghép với các chương trình dự án và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định về phân cấp của Luật ngân sách nhà nước.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện chương trình theo đúng chế độ, định mức do nhà nước ban hành và thanh quyết toán đúng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

7. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

- Chủ trì phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin để giám sát đảm bảo các Đề tài, nội dung nghiên cứu lĩnh vực CNTT đồng bộ, phù hợp với Chương trình chuyển đổi số của huyện.

- Ưu tiên phân bổ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho chuyển đổi số, chú trọng các nhiệm vụ có kinh phí đối ứng của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Lựa chọn lĩnh vực quản lý chuyên ngành, cần đưa công nghệ hỗ trợ quản lý, để thử nghiệm đánh giá và nhân rộng.

- Chủ trì thúc đẩy, ưu tiên thực hiện đổi số trong phát triển thương mại và xuất khẩu.

- Chủ trì phối hợp các đơn vị liên quan lựa chọn doanh nghiệp thí điểm giải pháp chuyển đổi số trong dây chuyền sản xuất... làm cơ sở nhân rộng.

- Chủ trì tổ chức thực hiện triển khai các nhiệm vụ, giải pháp, ưu tiên chuyển đổi số các nhiệm vụ quản lý ngành liên quan hoặc công bố thông tin đến người dân, doanh nghiệp.

8. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì lựa chọn Trường học, cơ sở giáo dục thí điểm mô hình ứng dụng CNTT toàn diện, hướng đến Trường học thông minh, để có đánh giá và nhân rộng.

- Chủ trì trong đào tạo phổ cập tin học ứng dụng, kiến thức an toàn thông tin trong Trường học, hình thành công dân số trong tương lai; Định hướng hướng nghề nghiệp lĩnh vực CNTT trong học sinh.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo và dạy nghề gắn với công nghệ số.

9. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Lựa chọn lĩnh vực quản lý ngành cần đưa công nghệ hỗ trợ quản lý, để thử nghiệm đánh giá và nhân rộng.

- Nghiên cứu, đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội; nghiên cứu các giải pháp thúc đẩy hình thành các trung tâm hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng tác động bởi công nghệ số theo hướng xã hội hóa.

- Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo và dạy nghề gắn với công nghệ số.

10. Phòng Y tế và Trung tâm Y tế huyện

- Chủ trì tổ chức triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân, đảm bảo mỗi người dân có một hồ sơ sức khỏe điện tử, đảm bảo thông tin sức khỏe của người dân được cập nhật kịp thời. Xây dựng cổng sức khỏe người dân, cho phép người dân, cán bộ y tế có thể quản lý, tra cứu, thông tin sức khỏe của mình. Phát triển các ứng dụng nhắn tin thông báo về thông tin sức khỏe cho người dân trên hệ thống hồ sơ sức khỏe cá nhân.

- Chủ trì lựa chọn bệnh viện tuyến huyện thử nghiệm mô hình Trạm Y tế ba không (không giấy tờ, không xếp hàng, không thanh toán tiền mặt) là cơ sở đánh giá nhân rộng.

- Chủ trì lựa chọn hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ tích cực cho công tác quản lý, khám chữa bệnh người dân để ứng dụng thử nghiệm và từng bước hoàn thiện.

- Lựa chọn nhà đầu tư giải pháp công nghệ giúp phát hiện người lớn tuổi, người có bệnh nền để được cảnh báo sức khỏe hàng ngày và có những tư vấn hoặc giữ dữ liệu về trung tâm cảnh báo sức khỏe về trung tâm điều trị tại bệnh viện; robot tâm sự với người bệnh, người lớn tuổi đang điều trị tại bệnh viện.

11. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì phối hợp Phòng Văn hóa và Thông tin và các đơn vị liên quan lựa chọn mô hình thử nghiệm về quy trình sản xuất gắn với chất lượng sản phẩm, quản lý chuỗi giá trị sản phẩm, làm cơ sở đánh giá, tuyên truyền mô hình và nhân rộng.

- Ứng dụng CNTT trong các hoạt động sản xuất, giám sát, theo dõi các hoạt động tại trang trại chăn nuôi heo, các mô hình nhà lưới, chuỗi cung ứng thuốc bảo vệ thực vật và chuỗi cung cấp sản phẩm thuộc lĩnh vực nông nghiệp, chăn nuôi ra thị trường phi truyền thống.

- Đưa các sản phẩm thuộc lĩnh vực nông nghiệp, chăn nuôi lên các sàn thương mại điện tử.

12. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Lựa chọn lĩnh vực quản lý chuyên ngành có tác động nhiều đến người dân, doanh nghiệp, cần đưa công nghệ hỗ trợ quản lý, để thử nghiệm đánh giá và nhân rộng.

- Hỗ trợ giải phóng mặt bằng hoặc hỗ trợ thủ tục liên quan để bố trí mặt bằng thành lập Khu công nghệ thông tin tập trung.

13. Các đơn vị Ngân hàng trên địa bàn huyện

- Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn huyện tổ chức triển khai, thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi (chương trình cho vay kích cầu đầu tư, cho vay với lãi suất ưu đãi) cho các doanh nghiệp công nghệ số nhằm hỗ trợ các sản phẩm chuyển đổi số chủ lực và doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số.

- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các ban ngành, địa phương trong việc triển khai các chương trình, chính sách tín dụng để thúc đẩy chuyển đổi số.

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt.

14. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Lựa chọn lĩnh vực thử nghiệm mô hình ứng dụng CNTT toàn diện vào công tác quản lý, hướng đến địa phương thông minh.

- Lựa chọn doanh nghiệp thuộc lĩnh vực thế mạnh phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương thử nghiệm chuyển đổi số, để tăng năng xuất lao động và giá trị sản phẩm, có đánh giá và nhân rộng mô hình.

- Có trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ trong Chương trình ở cấp huyện và chủ động cân đối ngân sách hàng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định.

15. Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện

- Tham gia là nòng cốt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền tảng chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong Chương trình này.

- Chủ động, đi đầu trong thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

16. Các doanh nghiệp trên địa bàn huyện

Căn cứ vào nguồn lực thực tế của doanh nghiệp, chủ động triển khai các nội dung sau:

- Khuyến khích đầu tư cho nghiên cứu phát triển, làm chủ công nghệ lõi, xây dựng nền tảng công nghệ số dùng chung, phát triển hệ sinh thái số cho cộng đồng doanh nghiệp công nghệ trên địa bàn huyện; nghiên cứu, phát triển và sản xuất các sản phẩm công nghệ số.

- Chủ động ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, hàng hóa chủ lực của doanh nghiệp.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai thực hiện chuyển đổi số huyện Châu Thành giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- TT. Huyện ủy, HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Các doanh nghiệp trên địa bàn huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Hữu Tài